TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2022HC-PT
Ngày: 05-5-2022
V/v Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Tất Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 523/2020/TLPT-HC ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3452/2022/QĐPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Công ty TNHH AAA

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện Z, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A, Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 27, phường C, quận L, thành phố H.

Có mặt bà P tại phiên tòa.

**** Người bị kiện:*** Cục trưởng Cục thuế tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn H, Phó Cục trưởng (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2021 của Cục trưởng). Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 24/10/2018, trình bày của người đại diện cho Công ty TNHH AAA tại Tòa án nhân dân tỉnh H, có nội dung:

Ngày 06/01/2018, Công ty TNHH AAA (sau đây viết tắt là Công ty) nhận được Quyết định số 4327/QĐ-CT ngày 29/12/2017 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh H *về việc xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế* (sau đây viết tắt là Quyết định 4327/QĐ-CT) và Kết luận Thanh tra thuế tại Công ty TNHH AAA số 4326/KLTTr-CT ngày 29/12/2017 của Cục Thuế tỉnh H - đều có nội dung xác định Công ty có hành vi sai phạm về thuế. Cục trưởng Cục thuế tỉnh H đã Quyết định:

1. Truy thu thuế, phí số tiền 2.360.822.996 đồng (thuế GTGT, thuế TNDN, thuế tài nguyên, thuế TNCN, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản)

2. Truy hoàn thuế GTGT 395.649.593đồng;

3. Phạt chậm nộp tiền thuế 21.712.677 đồng;

4. Tiền chậm nộp tiền thuế: 102.632.818 đồng;

5. Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, phí 56.347.632 đồng.

Công ty cho rằng Quyết định 4327/QĐ-CT của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H là trái pháp luật, với lý do:

- Về nội dung xác định nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước: Giữa năm 2017, Công ty do ông Nguyễn Văn B làm Giám đốc không còn khả năng hoạt động, đứng trước nguy cơ phá sản. Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vận tải Pvà thành viên góp vốn khác đã mua lại khoản nợ của Công ty và đầu tư vốn để Công ty tiếp tục hoạt động. Sau khi thanh toán các khoản nợ với Ngân hàng, các tổ chức cá nhân khác; Công ty đã liên hệ với Cơ quan quản lý thuế để chốt nghĩa vụ tài chính về thuế. Ngày 12/7/2017 Chi Cục thuế thành phố H - Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế lập Biên bản làm việc ghi: *"Tính tới thời điểm ngày 30/6/2017, đơn vị còn nợ tiền thuế, tiền phạt khai thác khoáng sản với số tiền là: 4.988.767.080 đồng"*, thời điểm này, Công ty không hề nhận được bất kỳ thông báo nào về việc Công ty đang trong giai đoạn bị thanh tra thuế và Công ty đã thanh toán toàn bộ các khoản phải nộp này trước thời điểm ban hành Quyết định 4327/QĐ-CT.

- Về căn cứ thực tế ban hành Quyết định số 4327/QĐ-CT: Ngày 06/01/2018, Cơ quan Thuế tỉnh H ban giao cho Công ty (lúc này ông Nguyễn Văn A là Giám đốc, ông Nguyễn Văn B là thành viên góp vốn), Quyết định 4327/QĐ-CT và Kết luận Thanh tra thuế số 4326/KLTTr-CT ngày 29/12/2017. Ông Dân đã trình bày hoàn toàn không biết gì về việc số liệu nêu ra trong Kết luận thanh tra và số tiền phải nộp theo Quyết định 4327/QĐ-CT gồm nhiều khoản tính toán qua nhiều năm cần phải dựa trên các chứng từ, chứng cứ cụ thể nhưng Công ty hoàn toàn không có các

chứng từ này và cũng chưa hề được làm việc với Đoàn thanh tra. Nhưng do muốn hài hòa và đại diện đoàn công tác có nói *ký vào để hoàn tất thủ tục chứ không ảnh hưởng gì nên ông Dân đã ký biên bản* Công bố Kết luận thanh tra ghi ngày 06/01/2018.

- Về áp dụng pháp luật: Khoản 5 Điều 1 Quyết định 4327/QĐ-CT căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ đã hết hiệu lực theo khoản 2 Điều 54 Nghị định 129/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/10/2013, để xử phạt Công ty 10% trên số tiền thuế truy thu đối với hành vi vi phạm, số tiền 24.788.109 đồng;

- Về tính chất thanh tra liên ngành: Việc liên ngành tiến hành thanh tra Công ty là vi phạm các quy định về thanh tra (khoản 3 Điều 19 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP), đồng thời thanh tra liên ngành không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

- Về thời hạn tiến hành thanh tra: Vi phạm thời hạn thanh tra quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ;

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 4327/QĐ-CT: Cơ sở để ban hành Quyết định là Kết luận Thanh tra thuế số 4326/KLTTr-CT ngày 29/12/2017 nhưng Công ty không hề được tham gia vào quá trình thanh tra, không hay biết gì về kết luận thanh tra, không hề được đoàn thanh tra mời làm việc giải trình là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ, Điều 57 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12. Giấy Ủy quyền của ông Nguyễn Văn A cho ông Nguyễn Văn B làm việc với Đoàn thanh tra không có nội dung ký vào biên bản Kết luận thanh tra.

Thành viên đoàn thanh tra không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn; trình tự không thanh tra không theo Luật Thanh tra.

- Khoản truy thu từ năm 2007 đã quá thời hạn truy thu 10 năm theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 129 (khoản 46.191.000 đồng tiền phí bảo vệ môi trường và 4.588.970 đồng tiền thuế tài nguyên của năm 2007).

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã không xem xét các tình tiết giảm nhẹ của người nộp thuế, từ đó không đưa ra mức xử lý nhẹ hơn mà người nộp thuế được hưởng theo quy định tại Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012. Việc tạm dừng thanh tra không có thông báo theo Luật Thanh tra và gửi cho doanh nghiệp.

Do vậy, người khởi kiện đề nghị Tòa án hủy toàn bộ Quyết định số 4327/QĐ-CT ngày 29/12/2017 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh H để đảm bảo quyền lợi cho Công ty.

Người bị kiện là Cục trưởng Cục thuế tỉnh H trình bày quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện:

- Quá trình thanh tra theo Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh, kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn, qua làm việc với Công ty AAA tại mỏ đá thôn C, xã G, huyện Z, tỉnh H, căn cứ vào tài liệu, chứng từ, sổ kế toán do Giám đốc công ty cung cấp, đối chiếu với số liệu tại hồ sơ kê khai, nộp thuế của Công ty, Đoàn kiểm tra đã bước đầu nhận thấy có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế. Do vậy, Đoàn kiểm tra đã có báo cáo và Uỷ ban nhân dân tỉnh H có Công văn số 32/UBND-VP5 ngày 29/01/2016 chỉ đạo thanh tra.

Ngày 03/3/2016, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H ban hành Quyết định số 504/QĐ-CT về việc thanh tra thuế tại Công ty AAA thời kỳ 01/01/2007 đến 31/12/2015. Quá trình thanh tra bước đầu xác định Công ty có hành vi vi phạm pháp luật về thuế (Trốn thuế, nợ đọng tiền thuế kéo dài, khai sai dẫn đến thiếu thuế phải nộp, khai sai tăng thuế được hoàn...) có dấu hiệu của tội phạm hình sự.

Ngày 22/7/2016 Cục Thuế tỉnh H có Công văn số 2365/CT-TTr về việc chuyển hồ sơ, vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh H và ngày 27/7/2016, đoàn thanh tra lập biên bản tạm dừng thanh tra thuế tại Công ty AAA.

Ngày 22/9/2017, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh H có Kết luận điều tra số 04/PC46, xác định số tiền Công ty trốn thuế không đủ định lượng để cấu thành tội "Trốn thuế" nên chỉ vi phạm hành chính về thuế, phí và kết luận số thuế nợ đọng, khai sai, chậm nộp còn lại cần được truy thu tiếp về cho ngân sách Nhà nước là 3.010.984.880 đồng.

- Ngày 12/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H bàn giao hồ sơ vụ việc cho Cục Thuế tỉnh H kèm theo Công văn số 417/PC46 ngày 29/9/2017 đề nghị xử lý hành vi vi phạm trong lĩnh vực thuế của Công ty;

- Cơ quan Thuế làm việc với Công ty để xác định hành vi vi phạm về thuế, số thuế phải nộp và ngày 29/11/2017 đại diện Công ty đã ký Biên bản thanh tra thuế theo Quyết định thanh tra số 504/QĐ-CT.

Cục trưởng Cục thuế đã ban hành Kết luận thanh tra thuế số 4326/KLTTr-CT và Quyết định hành chính số 4327/QĐ-CT về việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế, và xử phạt hành chính đối với Công ty là đúng quy định về thời hạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hiệu tại Điều 66, Thông tư số 156 ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và

Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; đúng căn cứ về nội dung. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 3; Điều 116; Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; Điều 51, Điều 55 Luật thanh tra; Điều 6, Điều 28, Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ; Điều 6, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH AAA đề nghị hủy Quyết định số 4327/QĐ-CT ngày 29/12/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H.

Về án phí: Buộc Công ty TNHH AAA phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, Công ty TNHH AAA đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04472 ngày 27/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H. Công ty TNHH AAA đã nộp đủ án phí.

Ngày 14/9/2020, người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn A kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại, hủy Quyết định số 4327/QĐ-CT ngày 29/12/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương Ngân (đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện) đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Quyết định 4327/QĐ-CT ngày 29/12/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H.

Người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày đối với kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phân tích về nội dung vụ án và xem xét kháng cáo của Công ty, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H ra Quyết định 4327 xử lý vi phạm về thuế, phí đối với Công ty AAA là có căn cứ, đúng pháp luật, việc ban hành Quyết định 4327 quá thời hạn thanh tra, nhưng không ảnh hưởng đến nội dung xử lý vi phạm về thuế, phí đối với Công ty AAA. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của Công ty TNHH AAA, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của của đương sự; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện ngày 24/10/2018 của Công ty TNHH AAA yêu cầu hủy Quyết định số 4327/QĐ-CT ngày 29/12/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H *về việc Xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành thuế,* là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 206, khoản 2 Điều 209 Luật tố tụng hành chính, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện của Công ty TNHH AAA:

[2.1] Theo đề nghị của Đoàn kiểm tra liên ngành (được thành lập theo Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh H), căn cứ quy chế phối hợp số 1527 ngày 31 tháng 10 năm 2007 giữa Tổng cục thuế - Bộ Tài chính và Tổng cục Cảnh sát Bộ Công an trong đấu tranh phòng chống các hành vi tội phạm trong lĩnh vực thuế, căn cứ Điều 51 và 55 Luật Thanh Tra, Điều 11 Nghị định 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012, Cục trưởng Cục thuế đã ban hành Quyết định số 504/QĐ-CT ngày 03/3/2016 *về việc thanh tra thuế tại Công ty TNHH AAA*.

Đoàn thanh tra đã thực hiện các bước thanh tra theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2016; kết thúc thanh tra (chuyên ngành), Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H ban hành Kết luận Thanh tra thuế số 4326/KLTTr-CT ngày 29/12/2017.

Căn cứ kết quả thanh tra, nội dung kết luận của cơ quan điều tra, Cục trưởng Cục thuế tỉnh H đã ban hành Quyết định 4327/QĐ-CT ngày 29/12/2017 *Về việc Xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành thuế* là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Thanh tra; Luật quản lý thuế và khoản 4 Điều 14 Nghị định số 129/2013; Luật phí và lệ phí và Điều 43 Nghị định 109/2013, Điều 16, Điều 18 Thông tư số 166/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành. Quyết định 4327/QĐ-CT được ban hành theo đúng mẫu số 20/KTTT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

[2.2] Từ khi thành lập đến nay, Công ty vẫn là một pháp nhân, chỉ có thay đổi thành viên sáng lập và Giám đốc đại diện cho Công ty - nên quyền và nghĩa vụ của Công ty AAA trong việc thực hiện các nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí đối với Nhà nước vẫn giữ nguyên. Trong quá trình thanh tra, cơ quan thuế đã làm việc với Công ty.

Người đại diện của Công ty TNHH AAA trước đây là ông Nguyễn Văn B; sau khi ông Nguyễn Văn A là giám đốc thì ông Dân đã có văn bản ủy quyền ngày 29/11/2017 cho ông Toản là Phó Giám đốc. Văn bản ủy quyền có nội dung *ông Toản chịu trách nhiệm trực tiếp làm việc với Đoàn thanh tra thuế theo Quyết định số 504/QĐ-CT ngày 03/3/2016 để giải quyết các công việc liên quan đến Thanh tra thuế*. Ông Toản đã ký các biên bản làm việc với Thanh tra, với cơ quan điều tra (xác nhận Công ty đã có các vi phạm về thuế, phí, lệ phí), là trong phạm vi được ủy quyền. Các vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra đã được người đại diện theo pháp luật của Công ty *(ông Toản)* giải trình trong quá trình thanh tra, điều tra.

Quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ "*1. Căn cứ báo cáo kết quả thanh tra, nội dung giải trình của đối tượng thanh tra (nếu có)… người ra quyết đinh thanh tra phải ra kết luận thanh tra…",* theo quy định này thì ý kiến, giải trình của đối tượng thanh tra không phải là căn cứ bắt buộc khi ban hành Kết luận thanh tra.

Cơ quan điều tra không khởi tố vụ án hình sự và ngày 12/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra bàn giao hồ sơ vụ việc cho Cục Thuế để xử lý theo thẩm quyền. Thanh tra thuế đã tiếp nhận hồ sơ và ngày 29/11/2017, Thanh tra tiếp tục thanh tra đến ngày 29/12/2017, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H ban hành Quyết định 4327/QĐ-CT là trong thời hiệu quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 2 Nghị định 129 của Chính phủ; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 4 và Điều 26 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính.

Do vậy, Bản án sơ thẩm đã xác định tuy có vi phạm về thời hạn thanh tra nhưng người có thẩm quyền đã ban hành Quyết định đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Yêu cầu của người khởi kiện về việc Cục thuế tỉnh H thanh tra là không phù hợp với quy định Luật Thanh tra và Luật Quản lý thuế và hướng dẫn tại Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 (Điều 33, Điều 34, Điều 36 và Điều 120).

[2.2] Về nội dung xử lý vi phạm:

Theo hồ sơ của Công ty đã được cơ quan điều tra kết luận, kết quả kiểm tra ông Nguyễn Văn B đã ký xác nhận nội dung các vi phạm pháp luật của Công ty về thuế, phí. Số liệu các khoản thuế nợ đọng,… tại Quyết định 4327/QĐ-CT so với Kết luận 04/PC46 là giống nhau, chỉ có khoản thuế thu nhập doanh nghiệp là giảm so với Kết luận điều tra (lý do tính tăng chi phí được trừ nên giảm thu nhập chịu thuế TNDN của Công ty): Thuế thu nhập cá nhân khai sai là: 33.459.970 đồng; Phí Bảo vệ Môi trường: 504.843.700 đồng; Truy hoàn: 395.649.593 đồng; Thuế Tài nguyên: 880.672.945 đồng; Thuế GTGT; Tổng cộng là 649.833.090 đồng; Thuế TNDN: Quyết định 4327/QĐ-CT: 292.013.264 đồng (giảm 66.826.060 đồng so với kết luận điều tra)…

Cục trưởng Cục thuế tỉnh H ra Quyết định 4327/QĐ-CT xử lý vi phạm hành chính về thuế, phí đối với Công ty AAA:

- Truy thu thuế, phí số tiền 2.360.822.969 đồng; truy hoàn thuế giá trị gia tăng 395.649.593 đồng đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả truy thu phí, là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Phạt hành vi chậm nộp tiền thuế số tiền 21.712.677đồng theo mức 0,05%/ngày đối với số tiền truy thu *(từ kỳ tháng 12/2012 đến kỳ tháng 6/2013)*, là đúng thời hiệu và mức hình phạt theo điểm 1.2 mục 1 mục IV phần A, điểm 3, Mục III, phần B Thông tư 61/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính;

- Tính tiền chậm nộp tiền thuế 102.632.818 đồng *(Tiền chậm nộp Thuế tài nguyên 7.520.241đồng, tiền chậm nộp thuế GTGT 95.112.577đồng*) trong đó tiền chậm nộp thuế theo mức 0,05%/ngày đối với số tiền thuế truy thu *(từ kỳ tháng 7/2013 đến kỳ tháng 6/2016)*; tính tiền chậm nộp tiền thuế mức 0,03%/ngày *(từ ngày 01/7/2016)* là đúng quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 và khoản 3 Điều 3 Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính;

- Phạt 10% trên số tiền thuế truy thu *(từ kỳ tháng 12/2012 đến năm 2013)* đúng thời hiệu, mức hình phạt là đúng quy định tại điểm 1.2 mục I mục IV phần A Thông tư 61/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính và khoản 1 Điều 13 Nghị định 98 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, số tiền 24.788.109 đồng *(mức phạt có lợi cho Công ty AAA)* phù hợp với khoản 3 Điều 54 Nghị định 129 của Chính phủ;

- Phạt 20% trên số tiền thuế truy thu *(năm 2014, năm 2015)* là đúng thời hiệu, mức hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính; khoản 2 Điều 10 Nghị định số 129 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, số tiền: 27.459.523 đồng;

- Phạt hành vi trốn Phí bảo vệ môi trường (năm 2015) số tiền 2.000.000đồng là đúng thời hiệu, mức phạt theo khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 22 Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013;

- Phạt hành vi khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp (thuế thu nhập cá nhân năm 2015) bị phạt số tiền 2.100.000đồng (Vì Công ty không có lãi) là đúng thời hiệu, mức phạt theo quy đinh tại khoản 1 Điều 2, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 129 của Chính phủ.

Số liệu nợ đọng về thuế, phí tại biên bản ngày 12/7/2017 không nằm trong số liệu tiền sai phạm về thuế, phí của Công ty theo Quyết định 4327/QĐ-CT.

Với các lý do nêu trên, Bản án sơ thẩm đã xác định Cục trưởng Cục thuế tỉnh H ban hành Quyết định 4327/QĐ-CT ngày 29/12/2017, là có căn cứ về nội dung, từ đó bác đơn khởi kiện của người khởi kiện, là có căn cứ.

[3] Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ tài liệu gì mới chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số AA/2010/04507 ngày 24/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H được đối trừ đi số tiền án phí phải nộp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 05/5/2022.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Phan Thị Vân Hương